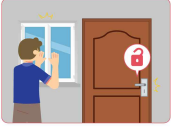
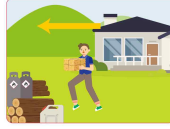
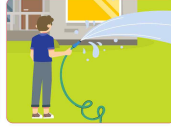


1. 산불이 발생하면 이렇게 준비합니다. 집 안에서   ✓ 지역 대피 안내에 귀를 기울이고 이웃과 수시로 연락합니다. ✓ 대피할 장소를 확인하고 비상용품과 가방을 준비합니다. ✓ 모든 창문과 문을 닫고 가스를 차단합니다. 산행 또는 야영(캠핑) 중에   ✓ 안내방송, 휴대전화 등을 통해 상황을 확인하고 주변에 알립니다. ✓ 산행 또는 야영(캠핑)을 멈추고 불이 확산하는 경로를 피해 산과 먼 곳으로 이동합니다. 산림청 행정안전부	2. 산불이 발생하면 이렇게 준비합니다. 집 밖에서   ✓ 집 주위에 있는 가연성 물질을 멀리 옮겨 둡니다. ✓ 떨어진 불씨로 불이 붙는 것에 대비하여 집 주위에 충분한 물을 뿌려둡니다. 가축 또는 반려동물이 있는 경우 준비사항 ✓ 가축 또는 반려동물을 두고 대피할 경우를 대비하여 충분한 물과 먹이를 준비해 둡니다. ✓ 산불이 번지는 상황에 대비하여 축사의 문을 열어두고 반려동물의 목줄을 느슨하게 풀어 둡니다. 산림청 행정안전부
--	---

1.

- **Nếu xảy ra cháy rừng hãy chuẩn bị như thế này.**

<Ở trong nhà>

- ☑ Lắng nghe hướng dẫn sơ tán khu vực và liên lạc thường xuyên với hàng xóm.
- ☑ Kiểm tra địa điểm sơ tán và chuẩn bị đồ dùng khẩn cấp và túi xách.
- ☑ Đóng tất cả cửa sổ và cửa ra vào để chặn khí ga.

<Trong khi leo núi hoặc đóng trại(cắm trại)>

- ☑ Kiểm tra tình hình qua điện thoại di động, qua phát thanh hướng dẫn và thông báo cho mọi người xung quanh.
- ☑ Ngừng leo núi hoặc đóng trại (cắm trại) và di chuyển tránh con đường lửa đang lan rộng đi đến nơi xa với rừng cháy.

2.

- **Nếu xảy ra cháy rừng hãy chuẩn bị như thế này.**

<Ở ngoài nhà>

- ☑ Chuyển các vật liệu dễ cháy ở xung quanh nhà ra xa.
- ☑ Phun đủ nước xung quanh nhà để đề phòng lửa cháy do ngọn lửa rơi xuống.

Những điều cần chuẩn bị trong trường hợp có gia súc hoặc thú cưng

- ☑ Trường hợp phải để gia súc và thú cưng lại để sơ tán thì cần chuẩn bị đủ nước và thức ăn cho gia súc hoặc thú cưng.
- ☑ Để phòng trường hợp rừng cháy lan rộng, hãy mở cửa chuồng gia súc và nói lỏng dây xích cổ cho thú cưng.

3.

산불이 다가오면 이렇게 대피합니다.

집(산지 인접 주택, 건물)



- 지역의 대피 안내가 있는 경우 즉시 안내된 장소로 이동합니다.
- 대피하지 못한 주민이 있을 수 있으므로 말집에 상환을 알립니다.
- 이동 시 산불의 진행경로를 피해 산과 떨어진 도로를 이용합니다.
- 인해를 방지 못한 경우에도 연기 냄새가 나거나 두려움을 느낀다면 안전한 장소로 즉시 대피합니다.

산행 또는 야영(캠핑) 중에



- 산행 중에는 계곡물을 피하여 활동수가 있는 곳으로 신속히 하산합니다.
- 야영 중에는 산과 떨어진 도로를 이용하여 산불 확산 구역에서 신속히 벗어나도록 합니다.
- 대피하지 못한 경우 바람을 등지고 주변의 낙엽을 제거한 후 앞드라 낮은 자세를 유지합니다.

산림청 행정안전부

4.

산불이 다가오면 이렇게 대피합니다.

노약자와 몸이 불편하신 분은 이렇게 대피합니다.



- 이웃 또는 거주지 시 군 구청 및 행정복지센터 등에 도움을 요청합니다.
- 거동이 불편한 경우 조금이라도 안전한 장소에서 도움을 기다립니다.

편소 준비사항

- 산불 발생 시 도와줄 수 있는 보호자(조력자)와 요양할 방법(전화 등)을 미리 정합니다.
- 복용하고 있는 약을 충분히 준비하고, 대피 시 도움이 되는 도구(자랑이, 휠체어 등)를 미리 준비합니다.

산림청 행정안전부

5.

산불이 다가오면 이렇게 대피합니다.

어린이와 함께 있을 때는 이렇게 대피합니다.



- 아기는 등을 이용해 안고 손으로 아기의 자신의 신체를 보호합니다.
- 어린이는 손을 잡고 대피하며, 필요한 행동을 맡겨주어 함께 대피할 수 있도록 합니다.

산림청 행정안전부

3.

- Khi đám cháy rừng tiến gần tới hãy sơ tán như thế này.

<Nhà (Tòa nhà, khu nhà ở gần vùng núi) >

- ☑ Trường hợp được hướng dẫn sơ tán khu vực, lập tức di chuyển đến địa điểm hướng dẫn.
- ☑ Có người dân không sơ tán được nên thông báo tình hình cho nhà bên cạnh.
- ☑ Khi di chuyển tránh tuyến đường đang cháy rừng, sử dụng đường cách xa rừng đang cháy.
- ☑ Ngay cả khi không nhận được hướng dẫn, nếu ngửi thấy mùi khói hoặc cảm thấy lo sợ, lập tức sơ tán ngay đến một nơi an toàn.

<Trong lúc leo núi hoặc đóng trại(cắm trại)>

- ☑ Trong lúc leo núi tránh khu bao quanh thung lũng nhanh chóng xuống núi về khu vực có cây lá to bản.
- ☑ Trong lúc cắm trại nên đi con đường cách xa núi nhanh chóng thoát ra khỏi khu vực đang cháy rừng lan rộng.
- ☑ Trường hợp không thể sơ tán được, quay lưng lại với gió, loại bỏ lá rụng xung quanh rồi nằm sấp xuống duy trì tư thế thấp.

4.

- Khi đám cháy rừng tiến gần tới hãy sơ tán như thế này.

<Những người già yếu và người không khỏe trong cơ thể sẽ sơ tán như thế này>

- ☑ Yêu cầu sự giúp đỡ tới Trung tâm phúc lợi hành chính và Ủy ban quận,huyện,thành phố v.v nơi mình đang sinh sống.
- ☑ Cho dù có gặp khó khăn trong việc di chuyển thì cũng nên tới một nơi an toàn để đợi sự giúp đỡ.

Những điều cần chuẩn bị thường ngày

- ☑ Định sẵn người bảo hộ (người hỗ trợ) và phương cách yêu cầu (điện thoại v.v..) để có thể giúp đỡ khi xảy ra cháy rừng.
- ☑ Chuẩn bị đầy đủ các loại thuốc đang uống, chuẩn bị sẵn các dụng cụ hữu ích khi đi sơ tán (như cây gậy chống, xe lăn v.v)

5.

- Khi đám cháy rừng tiến gần tới hãy sơ tán như thế này.

<Khi ở cùng với trẻ em thì nên sơ tán như thế này>

- ☑ Sử dụng cái gối để ôm bé và dùng tay để bảo vệ cơ thể bé và của mình.
- ☑ Nắm tay trẻ(ấu nhi) cùng nhau sơ tán, nói với trẻ những hành động cần thiết để cùng nhau đối phó.

6. 산불 진화 후에는 이렇게 행동합니다.

상황을 알리고 부상자는 구조를 요청합니다.



- ☑ 대피 후 부상이 없는지 확인하고 가족 또는 지인에게 상황을 알립니다.
- ☑ 부상 시 주변의 도움을 받아 응급 처치하고 구조·구급기관에 신고합니다.

피해 상황에 따라 귀가 여부를 결정합니다.



- ☑ 거주지 시·군·구청 및 행정복지센터 등의 안내에 따라 행동합니다.
- ☑ 집에 피해 상황과 이동 경로 내 안전을 확인한 후 귀가합니다.
- ☑ 귀가 후 상수도, 전기 및 가스시설 등 피해가 없는지 확인한 후 사용합니다.
- ☑ 집주변 산에 불씨 또는 연기가 감지되면 즉시 신고합니다.

산림청 행정안전부

7. 스마트산림재난앱 '산불신고'



신속한 신고가 큰 산불을 막아줍니다.

산림청 산불상황실 042-481-4119 | 소방서 119 | 경찰서 112

산림청 행정안전부

6.

-Sau khi dập tắt cháy rừng, cần hành động như thế này.

<Thông báo tình hình, người bị thương yêu cầu cứu hộ.>

- ☑ Sau khi sơ tán kiểm tra xem có bị thương ở đâu không và thông báo tình hình cho gia đình hoặc người thân.
- ☑ Khi bị thương tìm sự giúp đỡ xử lý cấp cứu từ những người xung quanh và khai báo cho cơ quan chữa cháy, cứu hộ cứu nạn.

<Quyết định có về nhà hay không tùy theo tình hình thiệt hại.>

- ☑ Hành động theo hướng dẫn của Trung tâm phúc lợi hành chính và Ủy ban quận, huyện, thành phố v.v.
- ☑ Kiểm tra tình hình thiệt hại ở nhà và an toàn của bản thân trên con đường di chuyển rồi mới quay về nhà.
- ☑ Sau khi trở về nhà, kiểm tra xem có thiệt hại gì về nước, điện, cơ sở khí đốt hay không rồi mới sử dụng.
- ☑ Nếu phát hiện ngọn lửa hoặc khói trên núi gần nhà, lập tức khai báo ngay.

7.

-Ứng dụng thảm họa rừng Smart ‘산불신고’ 'khai báo cháy rừng'

1. Tìm kiếm ứng dụng khóa từ ‘스마트산림재난’ "thảm họa rừng Smart" trên Google Play hay App Store hoặc quét mã QR.
2. Click vào phần dưới cùng của ứng dụng khóa từ ‘산림재난 신고하기’ 'khai báo thảm họa rừng'.
3. Khai báo cháy rừng qua điện thoại hoặc vị trí, quay hình.
4. Chọn vị trí khai báo trên bản đồ.
5. Đính kèm video hoặc ảnh tại hiện trường có lửa mới bùng.
6. Sau khi điền diện tích thiệt hại, quy mô thiệt hại, họ tên, cơ quan, số điện thoại rồi khai báo. (*Có thể lược bỏ)

-Khai cáo kịp thời giúp ngăn chặn cháy rừng lớn.

Sở Lâm Nghiệp, Phòng theo dõi cháy rừng 042-481-4119

Trạm cứu hỏa 119

Cảnh sát 112

※ 이 문서는 한국건강가정진흥원 다누리콜센터1577-1366에서 번역하였습니다.